

Biên Hòa, ngày 27 tháng 7 năm 2020

Số: 1011/2020/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 552/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019 giữa:

- *Nguyên đơn:* **Bà Lê Thị T**, sinh năm 1955

Địa chỉ: 176, đường N4, tổ 6B, khu phố 1, phường L, thành phố B, tỉnh Đ;

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lê Thị T:* Ông Nguyễn Triệu Q – Luật sư thuộc văn phòng luật sư Phan N – Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* **Ông Trương Văn K**, sinh năm 1953

Địa chỉ: 176, đường N4, tổ 6B, khu phố 1, phường L, thành phố B, tỉnh Đ;

- *Người đại diện theo ủy quyền (về phần tài sản) của ông Trương Văn K* là: Bà Trần Thị Minh Kh, sinh năm 1958.

Địa chỉ: 16/1, đường Hồ Văn Đại, phường Q, thành phố B, tỉnh Đ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị T, sinh năm 1955 và ông Trương Văn K, sinh năm 1953

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T, sinh năm 1955 và ông Trương Văn K, sinh năm 1953 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 05 con chung là chị Trương Thị Ngọc N, sinh năm 1973; anh Trương Văn L, sinh năm 1975; anh Trương Thành G, sinh năm 1977; anh Trương Thành S, sinh năm 1979 và anh Trương Trí H, sinh năm 1988, các con đã trưởng thành và sống tự lập nên không yêu cầu tòa giải quyết.

- Về Tài sản chung: Ghi nhận thỏa thuận của bà Lê Thị T và ông Trương Văn K về việc chia tài sản chung là số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) đang gửi tiết kiệm tại Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh sở giao dịch Đồng Nai, số tài khoản tiết kiệm 135704010030732 (CD 1960760) đứng tên người gửi là ông Trương Văn K như sau: Bà Lê Thị T được hưởng số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng); ông Trương Văn K được hưởng số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng). Ông K có trách nhiệm thanh toán lại cho bà T số tiền 600.000.000đ (sáu triệu đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 02 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự. Thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Bà Lê Thị T và ông Trương Văn K được miễn án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp.Biên Hòa;
- UBND nơi ĐKKH;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hải Thị Liễu